

### Chương III. TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ E-HSDT

#### Mục 1. Đánh giá tính hợp lệ của E-HSDT

E-HSDT của nhà thầu được đánh giá là hợp lệ khi đáp ứng đầy đủ các nội dung sau đây:

1. Có bảo đảm dự thầu<sup>1</sup> không vi phạm một trong các trường hợp quy định tại Mục 18.3 E-CDNT. Thư bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của tổ chức tín dụng trong nước hoặc chi nhánh ngân hàng nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh phải được đại diện hợp pháp của doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ trong nước, chi nhánh doanh nghiệp bảo hiểm phi nhân thọ nước ngoài được thành lập theo pháp luật Việt Nam ký tên, đóng dấu (nếu có) với giá trị bảo lãnh, thời hạn có hiệu lực và đơn vị thụ hưởng theo yêu cầu của E-HSMT (đối với bảo lãnh dự thầu điện tử thì phải được ký số). Thư bảo lãnh hoặc giấy chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh không được ký trước khi Chủ đầu tư phát hành E-HSMT; không được kèm theo các điều kiện gây bất lợi cho Chủ đầu tư (trong đó bao gồm việc không đáp ứng đủ các cam kết theo quy định tại Mẫu số 04A, Mẫu số 04B Chương IV). Đối với bảo lãnh dự thầu hoặc chứng nhận bảo hiểm bảo lãnh bằng văn bản giấy, trường hợp có sự sai khác giữa thông tin về bảo đảm dự thầu mà nhà thầu kê khai trên Hệ thống và thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh đính kèm thì căn cứ vào thông tin trong file quét (scan) thư bảo lãnh dự thầu để đánh giá. Đối với nhà thầu liên danh, các thành viên liên danh phải sử dụng cùng thể thức bảo lãnh dự thầu: bảo lãnh dự thầu điện tử hoặc bằng giấy.

Đối với gói thầu có giá trị bảo đảm dự thầu nhỏ hơn 50 triệu đồng, nhà thầu có cam kết trong đơn dự thầu theo quy định tại Mục 18.8 E-CDNT.

2. Trường hợp nhà thầu liên danh thì thỏa thuận liên danh phải nêu rõ nội dung công việc cụ thể và ước tính giá trị tương ứng mà từng thành viên trong liên danh sẽ thực hiện theo Mẫu số 03 Chương IV. Việc phân chia công việc trong liên danh phải căn cứ các hạng mục nêu trong bảng giá dự thầu theo Mẫu số 12.1 (12.1A hoặc 12.1B hoặc 12.1C) hoặc Mẫu số 12.2 (12.2A hoặc 12.2B hoặc 12.2C), Mẫu số 13 (13A hoặc 13B) Chương IV hoặc theo các công việc thuộc quá trình sản xuất hạng mục trong bảng giá dự thầu, không được phân chia các công việc không thuộc các hạng mục này hoặc không thuộc quá trình sản xuất các hạng mục này.

3. Nhà thầu bảo đảm tư cách hợp lệ theo quy định tại Mục 5 E-CDNT.

4. Trong thời hạn 03 năm trước thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có nhân sự (ký kết hợp đồng lao động với nhà thầu tại thời điểm nhân sự thực hiện hành vi vi phạm) bị Tòa án kết án có hành vi vi phạm quy định về đấu thầu gây hậu quả

<sup>1</sup> Trường hợp đối với gói thầu áp dụng đấu thầu trước, pháp luật không có yêu cầu nhà thầu thực hiện bảo đảm dự thầu thì bỏ khoản này.

ng nghiêm trọng theo quy định của pháp luật về hình sự nhằm mục đích cho nhà thầu đó trúng thầu.

5. Không trong trạng thái bị tạm ngừng, chấm dứt tham gia Hệ thống.

Nhà thầu có E-HSMT hợp lệ được xem xét, đánh giá trong bước tiếp theo.

## **Mục 2. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm<sup>1</sup>**

### **2.1. Tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm**

Tiêu chuẩn đánh giá năng lực và kinh nghiệm thực hiện theo quy định tại Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) hoặc Bảng số 02 (đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) và được số hóa dưới dạng webform trên Hệ thống. Sử dụng tiêu chí đạt, không đạt để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm, trong đó quy định mức yêu cầu tối thiểu để đánh giá là đạt đối với từng nội dung về năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu, gồm: kinh nghiệm thực hiện các hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự; năng lực sản xuất hàng hóa; năng lực tài chính gồm giá trị tài sản ròng, doanh thu, việc thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế và các chỉ tiêu cần thiết khác để đánh giá năng lực về tài chính của nhà thầu; cơ sở vật chất kỹ thuật, trình độ cán bộ chuyên môn thực hiện các dịch vụ liên quan (nếu có yêu cầu);

Việc xác định mức độ yêu cầu cụ thể đối với từng tiêu chuẩn quy định tại Mục này căn cứ theo yêu cầu của từng gói thầu cụ thể. Nhà thầu được đánh giá đạt tất cả nội dung quy định tại Bảng số 01 (đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) hoặc Bảng số 02 (đối với nhà thầu là nhà sản xuất ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu) thì đáp ứng yêu cầu về năng lực và kinh nghiệm.

Năng lực và kinh nghiệm của nhà thầu phụ sẽ không được xem xét khi đánh giá E-HSMT của nhà thầu. Bản thân nhà thầu phải đáp ứng các tiêu chí đánh giá về năng lực và kinh nghiệm.

Không đưa ra yêu cầu nhà thầu đã từng thực hiện một hoặc nhiều hợp đồng trên một địa bàn cụ thể hoặc nhà thầu phải có kinh nghiệm cung cấp hàng hóa hoặc dịch vụ trên một địa bàn cụ thể như là tiêu chí để loại bỏ nhà thầu.

Trường hợp đồng tiền nêu trong các hợp đồng tương tự hoặc xác nhận thanh toán của Chủ đầu tư đối với những hợp đồng cung cấp hàng hóa đã thực hiện hoặc tờ khai nộp thuế hoặc các tài liệu liên quan chứng minh năng lực, kinh nghiệm của

<sup>1</sup> Đối với gói thầu áp dụng chào hàng cạnh tranh, căn cứ vào quy mô, tính chất của gói thầu, E-HSMT có thể bao gồm tiêu chuẩn đánh giá về năng lực và kinh nghiệm hoặc không bao gồm tiêu chuẩn này nhưng nhà thầu tham dự thầu phải cam kết có đủ năng lực, kinh nghiệm để thực hiện gói thầu (nội dung về cam kết được thực hiện cùng với đơn dự thầu khi nhà thầu nộp E-HSMT). Nhà thầu không phải cung cấp tài liệu chứng minh năng lực, kinh nghiệm để đối chiếu trong trường hợp E-HSMT không yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm

nhà thầu không phải VND thì khi lập E-HSĐT, nhà thầu phải quy đổi về VND để làm cơ sở đánh giá E-HSĐT. Việc quy đổi được áp dụng tỷ giá quy đổi của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (Vietcombank) tại ngày ký hợp đồng tương tự đó.

Trường hợp nhà thầu tham dự thầu là công ty mẹ (ví dụ như Tổng công ty) có huy động công ty con, công ty thành viên thực hiện một phần công việc của gói thầu thì nhà thầu phải kê khai cụ thể phần công việc dành cho các công ty con, công ty thành viên theo Mẫu số 09B Chương IV. Việc đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị, khối lượng công việc do công ty mẹ, công ty con, công ty thành viên đảm nhiệm trong gói thầu.

## Bảng số 01 (Webform trên Hệ thống)

## BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

(Đối với nhà thầu không phải là nhà sản xuất<sup>(1)</sup> ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

TT	Mô tả	Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm			Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
		Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh		
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(2)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(3)</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này		Mẫu số 07	
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế <sup>(4)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này		Cam kết trong đơn dự thầu	
3	Năng lực tài chính							
3.1	Kết quả hoạt động tài chính <sup>(5)</sup>	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này		Mẫu số 08	
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT)	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 <sup>(6)</sup> năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 2.761.449.177 <sup>(7)</sup> VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng		Mẫu số 08	
4	Kinh nghiệm thực hiện	Nhà thầu đã hoàn thành tối thiểu 01 hợp đồng	Phải thỏa	Không áp dụng	Phải thỏa mãn		Mẫu số	

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
TT	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh	
			Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
	<b>hợp đồng cung cấp hàng hóa trong tự</b>	<p>tương tự với tư cách là nhà thầu chính (độc lập hoặc thành viên liên danh) hoặc nhà thầu phụ<sup>(8)</sup> trong khoảng thời gian kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2022<sup>(9)</sup> đến thời điểm đóng thầu.</p> <p>Trong đó hợp đồng tương tự là:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Có tính chất tương tự: Hợp đồng cung cấp phần mềm nội bộ<sup>(10)</sup>;</li> <li>- Có quy mô (giá trị) tối thiểu: 932.000.000 VND<sup>(11)</sup>.</li> </ul> <p>Trường hợp gói thầu có nhiều loại hàng hóa khác nhau thì việc đưa ra yêu cầu về hợp đồng tương tự được thực hiện theo Bảng Y.</p>	mãn yêu cầu này	yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	05A
<b>5</b>	<b>Khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác<sup>(12)</sup></b>	<p>Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một trong các cách sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.</li> <li>- Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng.</li> </ul>	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc

Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
		Nhà thầu độc lập	Tổng các thành viên liên danh	Nhà thầu liên danh Từng thành viên liên danh	
TT	Mô tả	Yêu cầu			
		hàng theo yêu cầu của E-HSMT.			

Ghi chú:

(1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.

(2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

(3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như

sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

*(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).*

(5) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

*Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của năm 2022.*

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(6) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

*Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020,*

2021, 2022.

*Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.*

(7) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) =  $[(\text{Giá gói thầu} - \text{giá trị thuế VAT}) / \text{thời gian thực hiện gói thầu theo năm}] \times k$ . Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) =  $(\text{Giá gói thầu} - \text{giá trị thuế VAT}) \times k$ . Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, doanh thu được xác định theo công thức trên tương ứng với giá dự thầu (thay “giá gói thầu” bằng “giá dự thầu” trong công thức). Trong trường hợp này, chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số “k”.

(8) Đối với các hợp đồng mà nhà thầu đã tham gia với tư cách là thành viên liên danh hoặc nhà thầu phụ thì chỉ tính giá trị phần việc do nhà thầu thực hiện.

(9) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến thời điểm đóng thầu.

(10) Tương tự về tính chất: Chủ đầu tư, tổ chuyên gia lựa chọn một trong hai cách thức để quy định trong E-HSMT như sau:

a) Cách 1: là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát (chủ đầu tư, tổ chuyên gia nêu lĩnh vực tổng quát, ví dụ thiết bị y tế, thiết bị điện, thiết bị văn phòng...) **hoặc**

b) Cách 2: E-HSMT quy định theo 2 tiêu chí

(i) Tiêu chí 1: là hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát (chủ đầu tư, tổ chuyên gia nêu lĩnh vực tổng quát, ví dụ thiết bị y tế, thiết bị điện, thiết bị văn phòng...)

(ii) Tiêu chí 2: là hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) trong Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa (HS

– Harmonized Commodity Description and Coding System) theo Hệ thống phân loại hàng hóa do Tổ chức Hải quan thế giới WCO phát hành (gọi chung là mã HS). Mã HS căn cứ theo Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08 tháng 6 năm 2022 của Bộ Tài chính (được Tổng Cục Hải quan đăng tải trên trang thông tin điện tử: <https://www.customs.gov.vn>).

Nhà thầu cung cấp hàng hóa thuộc cùng lĩnh vực tổng quát do E-HSMT yêu cầu (Tiêu chí 1) hoặc cùng 4 số đầu tiên mã HS (Tiêu chí 2) đều được coi là có tính chất tương tự với hàng hóa thuộc gói thầu. Trường hợp một hạng mục hàng hóa có nhiều mã HS khác nhau, E-HSMT quy định các mã HS này, nhà thầu có hàng hóa đáp ứng một trong các mã HS này được coi là đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.

*Ví dụ: hàng hóa thuộc gói thầu là máy tính xách tay có mã HS là 84.71.30.20 thì các hàng hóa có mã HS là 84.71.xx.xx được coi là có tính chất tương tự. Trường hợp hàng hóa thuộc gói thầu chưa được công bố mã HS, nhà thầu phải kê khai các hợp đồng cung cấp hàng hóa có cùng lĩnh vực tổng quát theo yêu cầu của E-HSMT (Tiêu chí 1).*

- Đối với gói thầu mua trang thiết bị y tế, mã HS được xác định theo Thông tư số 14/2018/TT-BYT ngày 15 tháng 5 năm 2018 của Bộ Y tế, hàng hóa tương tự theo mã HS (xác định theo tiêu chí 2) là trang thiết bị y tế cùng nhóm hàng hóa (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) quy định tại Thông tư số 14/2018/TT-BYT.

Trong quá trình thực hiện, trường hợp Thông tư số 31/2022/TT-BTC, Thông tư số 14/2018/TT-BYT được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì áp dụng theo văn bản quy phạm pháp luật sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế Thông tư số 31/2022/TT-BTC, Thông tư số 14/2018/TT-BYT).

- Trường hợp chủ đầu tư, tổ chuyên gia khó khăn trong việc xác định mã HS của hàng hóa theo Tiêu chí 2, E-HSMT được đưa ra quy định tương tự về lĩnh vực tổng quát (theo Tiêu chí 1). Trong trường hợp này, nếu nhà thầu xác định được mã HS của hàng hóa theo yêu cầu của gói thầu và mã HS của hàng hóa trong hạng mục, hợp đồng đã thực hiện (nghiệm thu) cùng nhóm (tương ứng với 4 số đầu tiên của bộ mã) thì hạng mục, hợp đồng này được coi là tương tự để xem xét, đánh giá (được coi như nhà thầu đáp ứng Tiêu chí 2).

- Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục thì có thể chỉ quy định lĩnh vực tổng quát, mã HS cho các hạng mục chính của gói thầu.

#### (11) Quy mô của hợp đồng tương tự:

Trường hợp gói thầu có nhiều hạng mục hàng hóa thì phải ghi giá trị tương ứng của từng hạng mục hàng hóa để làm cơ sở đánh giá kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự của nhà thầu.

Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều loại hàng hóa khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu để Chủ đầu tư, tổ chuyên gia đưa ra yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở các loại hàng hóa chính của gói thầu (phải nêu rõ các

hàng hóa chính) hoặc yêu cầu về quy mô tương tự trên cơ sở tất cả các loại hàng hóa của gói thầu, trong đó ghi quy mô yêu cầu đối với mỗi hạng mục hàng hóa chính hoặc mỗi hạng mục hàng hóa. Trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn thì có thể điều chỉnh giảm yêu cầu về quy mô của hợp đồng tương tự xuống còn  $Y/1,25$  và/hoặc chia gói thầu thành các phần (lô) để tăng tính cạnh tranh cho gói thầu. Trong đó,  $Y$  thông thường khoảng 50% giá trị của gói thầu đang xét; riêng đối với trường hợp gói thầu có một số hạng mục hàng hóa có cùng mã Chương, mã Nhóm thì việc xác định quy mô hợp đồng tương tự được xác định theo điểm (iii) và điểm (iv) ghi chú này.

Đối với gói thầu mua sắm hàng hóa có khối lượng, số lượng công việc căn cứ nhu cầu theo các năm và thời gian thực hiện gói thầu dài hơn 1 năm thì E-HSMT yêu cầu về giá trị của hợp đồng tương tự trong 01 chu kỳ (01 năm) mà không xác định yêu cầu theo tổng số năm.

*Ví dụ: gói thầu cung cấp vật tư X cho nhu cầu của chủ đầu tư trong 02 năm 2024-2025 (từ 01/01/2024 đến 31/12/2025), giá gói thầu là 100.000.000.000 đồng (tính cho nhu cầu trong 02 năm). Yêu cầu giá trị của hợp đồng tương tự là:  $50\% \times 100.000.000.000/2 = 25.000.000.000$  đồng.*

Việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

(i) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là  $Y$  (hoặc  $Y/1,25$  nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó từng hạng mục tương tự trong hợp đồng không cần có giá trị đáp ứng 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn) giá trị tương ứng của hạng mục đó trong gói thầu hoặc

(ii) Có các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) hoặc trong một hợp đồng (hợp đồng chưa hoàn thành) nhưng bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó không được cộng gộp giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự trong nhiều hợp đồng khác nhau để hình thành một hạng mục hàng hóa tương tự có giá trị lớn hơn 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn) giá trị của hạng mục hàng hóa gói thầu đang xét.

Trong đó:

+ Hạng mục hàng hóa đã thực hiện là một phần hoặc toàn bộ khối lượng hàng hóa trong hạng mục đã được nghiệm thu trong khoảng thời gian quy định

mà không xét đến thời gian ký kết hợp đồng. Thời điểm xác nhận hạng mục hàng hóa đã thực hiện để xác định hạng mục hàng hóa tương tự là thời điểm nghiệm thu hàng hóa, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

+ Hợp đồng hoàn thành là hợp đồng có toàn bộ hàng hóa đã được nghiệm thu hoặc hợp đồng đã được thanh lý. Thời điểm xác nhận hợp đồng hoàn thành để xác định hợp đồng tương tự là thời điểm nghiệm thu hàng hóa, không căn cứ vào thời điểm ký kết hợp đồng.

- Trường hợp nhà thầu vừa là nhà sản xuất, vừa là nhà cung cấp (một số hàng hóa hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu chào trong E-HSDT là do nhà thầu sản xuất, một số hàng hóa khác hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác để cung cấp cho gói thầu), thì ngoài kê khai về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự, nhà thầu còn phải kê khai về năng lực sản xuất theo nội dung quy định tại Mục 4 Bảng số 02 Chương này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác) và năng lực sản xuất của nhà thầu (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu tự sản xuất để cung cấp cho gói thầu).

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, hợp đồng tương tự được xác định tương ứng với khối lượng, giá trị của hàng hóa mà nhà thầu dự thầu, bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa mà nhà thầu chào (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn).

Trường hợp một số hạng mục hàng hóa trong gói thầu có cùng mã Chương, mã Nhóm (mã A) thì việc đánh giá về quy mô của hợp đồng tương tự căn cứ vào giá trị hoàn thành, được nghiệm thu như sau:

(iii) Có ít nhất 01 hợp đồng hoàn thành cung cấp đầy đủ các loại hàng hóa tương tự có giá trị đáp ứng tối thiểu là **K** (hoặc **K/1,25** nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), trong đó **K** bằng 50% tổng giá trị các hạng mục không có cùng mã Chương, mã Nhóm (không có mã A) và giá trị cao nhất của các hạng mục có cùng chung mã A (giá trị hạng mục theo giá gói thầu, dự toán được duyệt) hoặc

(iv) Có các hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện trong các hợp đồng khác nhau (hợp đồng có thể đã hoàn thành hoặc đang thực hiện, chưa nghiệm thu, thanh lý) hoặc trong một hợp đồng (hợp đồng chưa hoàn thành) nhưng bảo đảm giá trị của từng hạng mục hàng hóa tương tự không có mã A đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị của từng hạng mục hàng hóa trong gói thầu đang xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn), đối với hạng mục hàng hóa tương tự có cùng mã A thì chỉ cần giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự đã thực hiện đáp ứng tối thiểu 50% giá trị cao nhất của hạng mục hàng hóa cùng mã A trong gói thầu đang

xét (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn). Không được cộng gộp giá trị của hạng mục hàng hóa tương tự trong nhiều hợp đồng khác nhau để hình thành một hạng mục hàng hóa tương tự có giá trị lớn hơn 50% (hoặc 40% nếu thuộc trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn) giá trị của hạng mục hàng hóa gói thầu đang xét.

\* Ví dụ cho ghi chú số (10), (11):

- Ví dụ 1: Gói thầu đang xét là gói thầu cung cấp 500.000 cái bơm tiêm dùng một lần có mã HS 9018.31.10 (Theo quy định của Thông tư số 14/2018/TT-BYT) giá trị 1.000.000.000 đồng và 100 chiếc đèn mổ treo trần có mã HS 9405.10.20 (Theo quy định của Thông tư số 14/2018/TT-BYT) giá trị 2.000.000.000 đồng. Nhà thầu X có hợp đồng A (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) cung cấp 2 máy thở có mã HS 9018.90.30, trong đó đã bàn giao 1 chiếc (đã được nghiệm thu) với giá trị 900.000.000 đồng (> 50% giá trị hạng mục bơm tiêm dùng một lần) và có hợp đồng B (chưa hoàn thành, chưa được thanh lý) cung cấp 200 chiếc đèn phẫu thuật có mã HS 9405.40.91, trong đó đã bàn giao 80 chiếc (đã được nghiệm thu) với giá trị 1.450.000.000 đồng (> 50% giá trị hạng mục đèn mổ treo trần) thì nhà thầu X được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về hợp đồng tương tự của gói thầu này.- Ví dụ 2: Phạm vi cung cấp gói thầu là mua xe Ben tự đổ kèm theo 20 cái lốp xe dự phòng; giá gói thầu được phê duyệt là 1,8 tỷ đồng (trong đó giá trị của xe Ben là 1,64 tỷ đồng và 20 lốp dự phòng có giá trị 0,16 tỷ đồng). Như vậy, trong trường hợp này thì hàng hóa chính của gói thầu là xe Ben tự đổ và quy mô của hợp đồng tương tự được xác định bằng  $50\% \times 1,64$  tỷ đồng.

- Ví dụ 3: Phạm vi cung cấp của gói thầu đang xét gồm 50 máy điều hòa (mã HS 8415; giá dự toán 2 tỷ đồng); 20 máy tính xách tay (mã HS 8507; giá dự toán 400 triệu đồng); 20 máy in Laser (mã HS 8443; giá dự toán 100 triệu đồng), giao hàng trong thời gian 180 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực. Nhà thầu tham dự thầu là nhà thầu Liên danh A – B trong đó thành viên A là nhà sản xuất máy điều hòa đảm nhận phần công việc cung cấp máy điều hòa (80% giá trị công việc gói thầu), thành viên B là nhà thương mại đảm nhận phần công việc cung cấp máy tính xách tay và máy in của gói thầu (20% giá trị công việc gói thầu). Trong trường hợp này, nhà thầu Liên danh A – B được coi là đáp ứng yêu cầu về năng lực sản xuất và kinh nghiệm thực hiện hợp đồng nếu:

+ Thành viên A cung cấp được tài liệu chứng minh công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền thiết bị sản xuất máy điều hòa đạt tối thiểu 12,5 máy điều hòa/tháng ( $1,5 \times 50$  máy  $\times 30 / 180$  ngày) hoặc sản lượng sản xuất máy điều hòa của 01 tháng cao nhất trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng hoặc lớn hơn 12,5 máy/tháng;

+ Thành viên B đã thực hiện cung cấp các mã hàng hóa 8507, 8443 trong cùng 01 hợp đồng hoặc ở 02 hợp đồng khác nhau nhưng bảo đảm giá trị mã hàng

hóa 8507 trong 01 hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của hạng mục máy tính xách tay (tức là  $\geq 50\% \times 400$  triệu đồng), giá trị mã hàng hóa 8443 trong 01 hợp đồng bằng hoặc lớn hơn 50% giá trị của hạng mục máy in laser (tức là  $\geq 50\% \times 100$  triệu đồng).

- Ví dụ 4: Phạm vi cung cấp gói thầu mua sắm hàng hóa Q như sau:

STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS	Giá trị theo dự toán (VND)
1	Hàng hóa A	9025	10.000.000.000
2	Hàng hóa B	9030	8.000.000.000
3	Hàng hóa C	9030	12.000.000.000

Trong trường hợp này, nhà thầu A tham dự gói thầu mua sắm hàng hóa Q nêu trên được coi là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự nếu:

+ Cung cấp 01 hợp đồng có đầy đủ các mã hàng hóa 9025 và 9030 và tổng giá trị của mã hàng hóa 9025, 9030 trong hợp đồng đã hoàn thành với giá trị tối thiểu là 11 tỷ đồng ( $50\% \times (10 \text{ tỷ đồng} + 12 \text{ tỷ đồng})$ ) hoặc

+ Cung cấp 01 hợp đồng trong đó đã thực hiện việc cung cấp mã hàng hóa 9025 với giá trị tối thiểu 5 tỷ đồng ( $50\% \times 10 \text{ tỷ đồng}$ ) và 01 hợp đồng đã thực hiện việc cung cấp mã hàng hóa 9030 với giá trị tối thiểu 6 tỷ đồng [ $50\% \times 12 \text{ tỷ đồng}$ ].”.

Trường hợp nhà thầu A cung cấp 02 hợp đồng có đầy đủ các mã hàng hóa 9025 và 9030, trong đó hợp đồng số 01: giá trị của mã 9025 là 3 tỷ đồng, giá trị của mã 9030 là 5 tỷ đồng và hợp đồng số 02: giá trị của mã 9025 là 3 tỷ đồng, giá trị của mã 9030 là 4 tỷ đồng thì được coi là không đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự.

- Ví dụ 5: Gói thầu mua sắm hàng hóa chia thành nhiều phần (ví dụ chia thành 03 phần) như sau:

STT	Tên phần (lô)	Phạm vi cung cấp	Mã HS	Giá trị theo dự toán (VND)
1	Lô số 01	Hàng hóa A	9025	10.000.000.000
2	Lô số 02	Hàng hóa B	9025	20.000.000.000
3	Lô số 03	Hàng hóa C	9025	30.000.000.000

Trong trường hợp này, nhà thầu tham dự thầu đối với cả 03 phần của gói thầu mua sắm hàng hóa nêu trên có 01 hợp đồng cung cấp mã hàng hóa 9025 với

giá trị đã thực hiện là Z được đánh giá như sau:

+ Trường hợp 1: nếu  $Z < 5.000.000.000$  VND thì được đánh giá là không đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với cả 03 phần (Lô số 01, 02, 03) nhà thầu tham dự thầu.

+ Trường hợp 2: nếu  $5.000.000.000 \leq Z < 10.000.000.000$  VND thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với Lô số 01.

+ Trường hợp 3: nếu  $10.000.000.000 \leq Z < 15.000.000.000$  VND thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với Lô số 01 và Lô số 02.

+ Trường hợp 4: nếu  $Z \geq 15.000.000.000$  VND thì được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự đối với cả 03 phần (Lô số 01, 02, 03) nhà thầu tham dự thầu.”.

(12) Trường hợp không yêu cầu dịch vụ sau bán hàng thì gạch bỏ tiêu chí đánh giá này.

Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá E-HSDT. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì E-HSDT của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, bảo trì, duy tu, bảo dưỡng, sửa chữa, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại.

## Bảng số 02 (Webform trên Hệ thống)

## BẢNG TIÊU CHUẨN ĐÁNH GIÁ VỀ NĂNG LỰC VÀ KINH NGHIỆM

(Đối với nhà thầu là nhà sản xuất<sup>(1)</sup> ra hàng hóa thuộc phạm vi của gói thầu)

TT	Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
1	Lịch sử không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu	Từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 <sup>(2)</sup> đến thời điểm đóng thầu, nhà thầu không có từ 02 hợp đồng trở lên (cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay) không hoàn thành do lỗi của nhà thầu <sup>(3)</sup> .	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 07
2	Thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế khai thuế, nộp thuế	Đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế, nộp thuế <sup>(4)</sup> của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Nội dung cam kết theo đơn dự thầu
3	Năng lực tài chính <sup>(5)</sup>					
3.1	Kết quả hoạt động tài chính <sup>(6)</sup>	Giá trị tài sản ròng của nhà thầu trong năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu phải dương. (Giá trị tài sản ròng = Tổng tài sản - Tổng nợ)	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Mẫu số 08
3.2	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) <sup>(7)</sup>	Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 03 <sup>(8)</sup> năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu của nhà thầu có giá trị tối thiểu là 2.761.449.177 <sup>(9)</sup> VND.	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Mẫu số 08
4	Năng lực sản xuất hàng hoá <sup>(10)</sup>	Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh năng lực sản xuất hàng hóa thuộc gói thầu đáp ứng yêu cầu theo một trong hai cách sau đây: - Công suất thiết kế của nhà máy, dây	Phải thỏa mãn yêu cầu này	Không áp dụng	Phải thỏa mãn yêu cầu (tương đương với phần công việc đảm nhận)	Mẫu số 05B

TT	Các tiêu chí năng lực và kinh nghiệm		Các yêu cầu cần tuân thủ			Tài liệu cần nộp
	Mô tả	Yêu cầu	Nhà thầu độc lập	Nhà thầu liên danh Tổng các thành viên liên danh	Từng thành viên liên danh	
5	<p>Khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác<sup>(1)</sup></p>	<p>chuyên sản xuất đạt tối thiểu: chi tiết tại bảng Y.</p> <p>Trường hợp gói thầu có nhiều loại hàng hóa khác nhau thì việc đưa ra yêu cầu về năng lực sản xuất được thực hiện theo Bảng Y.</p> <p>Nhà thầu phải chứng minh khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng bằng một kết trong các cách sau đây:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhà thầu cam kết có năng lực tự thực hiện các nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.</li> <li>- Nhà thầu ký hợp đồng nguyên tắc với đơn vị có đủ khả năng thực hiện nghĩa vụ bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng theo yêu cầu của E-HSMT.</li> </ul>	<p>Phải thỏa mãn yêu cầu này</p>	<p>Phải thỏa mãn yêu cầu này</p>	<p>Không áp dụng</p>	<p>Cam kết của nhà thầu hoặc hợp đồng nguyên tắc</p>

Ghi chú:

(1) Nhà sản xuất được hiểu là doanh nghiệp/cơ sở sản xuất tự sản xuất ra hàng hóa hoặc tham gia vào quá trình sản xuất ra hàng hóa hoặc công ty con, công ty mẹ phụ trách việc phân phối, tiêu thụ sản phẩm do công ty mẹ, công ty con khác trong Tập đoàn, Tổng công ty sản xuất.

(2) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường là 03 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Ví dụ: từ ngày 01 tháng 01 năm 2022 đến thời điểm đóng thầu.

(3) Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành do lỗi của nhà thầu bao gồm:

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành và nhà thầu không phản đối;

- Hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay bị Chủ đầu tư kết luận nhà thầu không hoàn thành, không được nhà thầu chấp thuận nhưng đã được trọng tài hoặc Tòa án kết luận theo hướng bất lợi cho nhà thầu.

Các hợp đồng cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay không hoàn thành không bao gồm các hợp đồng mà quyết định của Chủ đầu tư đã bị bác bỏ bằng cơ chế giải quyết tranh chấp. Việc xác định hợp đồng không hoàn thành phải dựa trên tất cả những thông tin về tranh chấp hoặc kiện tụng được giải quyết theo quy định của cơ chế giải quyết tranh chấp của hợp đồng tương ứng và khi mà nhà thầu đã hết tất cả các cơ hội có thể khiếu nại. Đối với các hợp đồng chậm tiến độ do lỗi của nhà thầu nhưng vẫn hoàn thành hợp đồng thì không được coi là hợp đồng không hoàn thành.

Đối với nhà thầu liên danh mà chỉ có một hoặc một số thành viên trong liên danh vi phạm và bị cấm tham gia hoạt động đấu thầu theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP thì thành viên liên danh còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu. Trường hợp một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng, không còn năng lực để tiếp tục thực hiện hợp đồng, làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến tiến độ, chất lượng, hiệu quả của gói thầu thì chỉ một hoặc một số thành viên liên danh vi phạm hợp đồng bị coi là không hoàn thành hợp đồng, thành viên còn lại không bị coi là không hoàn thành hợp đồng do lỗi của nhà thầu.

(4) Nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế thu nhập doanh nghiệp (thuế thu nhập cá nhân đối với nhà thầu là hộ kinh doanh) của năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu (đối với trường hợp Hệ thống chưa cập nhật thông tin về nghĩa vụ nộp thuế) để đối chiếu khi được mời vào đối chiếu tài liệu. Nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế phải được thực hiện trước thời điểm đóng thầu. Nghĩa vụ nộp thuế là nộp thuế với giá trị thuế tương ứng với thuế suất, thu nhập chịu thuế, doanh thu tính thuế nhà thầu kê khai trên Hệ thống thuế điện tử (số thuế đã nộp tương ứng với số thuế phải nộp); trường hợp được chậm nộp thuế, miễn thuế, giảm thuế theo chính sách của Nhà nước thì thực hiện theo quy định này. Trường hợp Hệ thống chưa trích xuất tự

động thông tin về nghĩa vụ nộp thuế của nhà thầu thì nhà thầu nộp các tài liệu như sau:

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và Giấy nộp tiền có xác nhận của cơ quan thuế được in từ Hệ thống thuế điện tử hoặc

- Tờ khai thuế (hoặc thông báo nộp tiền của cơ quan thuế đối với hộ kinh doanh) và xác nhận của cơ quan thuế về việc thực hiện nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế áp dụng đối với năm tài chính trước năm Y (năm Y-1).

*(Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì nhà thầu phải chứng minh đã thực hiện nghĩa vụ kê khai thuế và nộp thuế của năm 2022).*

(5) Khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo, cá nhân, nhóm cá nhân sản xuất sản phẩm đổi mới sáng tạo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP không phải đáp ứng yêu cầu về năng lực tài chính, số năm hoạt động trong cùng ngành nghề trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường.

(6) Việc xác định giá trị tài sản ròng được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của nhà thầu. Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính năm trước của năm Y (năm Y-1).

*Ví dụ: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 thì việc xác định giá trị tài sản ròng của nhà thầu được thực hiện trên cơ sở báo cáo tài chính của năm 2022.*

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh thì không đánh giá tiêu chí này.

(7) Đối với doanh nghiệp khởi nghiệp sáng tạo trong nước khi chào thầu sản phẩm đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp đó theo quy định tại khoản 4 Điều 6 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 06 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu sản phẩm do nhà thầu đó sản xuất không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận. Trường hợp sau khi đánh giá mà nhà thầu không đáp ứng về đối tượng được hưởng ưu đãi thì Chủ đầu tư yêu cầu nhà thầu cung cấp tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu về doanh thu.

Đối với nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ để sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với E-HSMT không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi sản phẩm lần đầu được sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường. Căn cứ xác định nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ, nhà thầu trong nước được chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao để sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam là Giấy chứng nhận đăng ký chuyển giao công nghệ, Giấy chứng nhận chuyển giao công nghệ khuyến khích chuyển giao theo quy định của pháp luật về công nghệ, pháp luật về đầu tư.

Đối với nhà thầu trong nước sản xuất hàng hóa có xuất xứ Việt Nam phù hợp với E-HSMT, không phải đáp ứng yêu cầu về doanh thu khi nhà thầu chào thầu hàng hóa mà chủng loại hàng hóa này lần đầu được nhà thầu sản xuất và đủ điều kiện để đưa ra thị trường trong thời gian 05 năm trước thời điểm đóng thầu. Nhà thầu được hưởng ưu đãi này kể từ khi nhà thầu được thành lập nhưng không quá 07 năm tính đến thời điểm đóng thầu;

(8) Ghi thời gian yêu cầu, thông thường từ 03 năm đến 05 năm trước năm có thời điểm đóng thầu. Trường hợp nhà thầu có số năm thành lập ít hơn số năm theo yêu cầu của E-HSMT thì doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) được tính trên số năm mà nhà thầu thành lập. Trong trường hợp này, nếu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của nhà thầu đáp ứng yêu cầu về giá trị của E-HSMT thì nhà thầu vẫn được đánh giá tiếp mà không bị loại.

Đối với nhà thầu là hộ kinh doanh, không bắt buộc phải nộp báo cáo tài chính nhưng nhà thầu phải cung cấp tài liệu chứng minh doanh thu tương ứng với nghĩa vụ thuế.

Trường hợp thời điểm đóng thầu sau ngày kết thúc năm tài chính của nhà thầu (năm Y) và trước hoặc trong ngày cuối cùng của tháng thứ 3 tính từ ngày kết thúc năm Y, yêu cầu về nộp báo cáo tài chính áp dụng đối với các năm trước của năm Y (năm Y-1, Y-2...).

*Ví dụ 1: Thời điểm đóng thầu là ngày 20/3/2024, năm tài chính của nhà thầu kết thúc vào ngày 31/12 và E-HSMT yêu cầu nhà thầu nộp báo cáo tài chính của 03 năm gần nhất thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2020, 2021, 2022.*

*Ví dụ 2: Doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) của 3 năm tài chính gần nhất so với thời điểm đóng thầu. Trong trường hợp này, nếu thời điểm đóng thầu là ngày 15/11/2024 thì nhà thầu phải nộp báo cáo tài chính của các năm 2021, 2022, 2023. Nhà thầu được thành lập vào năm 2022 nhưng doanh thu trung bình của năm 2022 và năm 2023 đáp ứng yêu cầu thì nhà thầu được tiếp tục đánh giá.*

(9) Cách tính toán thông thường về mức yêu cầu doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT):

a) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu từ 12 tháng trở lên thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm (không bao gồm thuế VAT) = [(Giá gói thầu – giá trị thuế VAT)/thời gian thực hiện gói thầu theo năm] x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là từ 1,5 đến 2.

b) Trường hợp thời gian thực hiện gói thầu dưới 12 tháng thì cách tính doanh thu như sau:

Yêu cầu tối thiểu về mức doanh thu bình quân hằng năm từ hoạt động sản xuất, kinh doanh (không bao gồm thuế VAT) = (Giá gói thầu – giá trị thuế VAT) x k. Thông thường yêu cầu hệ số “k” trong công thức này là 1,5.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, doanh thu được xác định theo công thức trên tương ứng với giá dự thầu (thay “giá gói thầu” bằng “giá dự thầu” trong công thức). Trong trường hợp này, chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số “k”.

(10) Trường hợp gói thầu bao gồm nhiều loại hàng hóa khác nhau thì tùy theo tính chất, quy mô gói thầu để Chủ đầu tư, tổ chuyên gia đưa ra yêu cầu về công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 năm trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu trên cơ sở các loại hàng hóa chính của gói thầu (phải nêu rõ các hàng hóa chính) hoặc trên cơ sở tất cả các loại hàng hóa của gói thầu, tương ứng với yêu cầu về hạng mục chính hoặc tất cả hàng hóa của gói thầu đối với nhà thầu là nhà thương mại.

Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng:  $k \times (\text{Số lượng yêu cầu của gói thầu} \times 30 / \text{thời gian thực hiện gói thầu (tính theo ngày)})$ . Thông thường  $k = 1,5$ ; trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn thì có thể quy định  $k = 1$ , hoặc:

Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất hoặc sản lượng sản xuất cao nhất của 01 năm trong 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu bằng:  $k \times (\text{Số lượng yêu cầu của gói thầu} \times 365 / \text{thời gian thực hiện gói thầu (tính theo ngày)})$ . Thông thường  $k = 1,5$ ; trường hợp mua sắm tập trung hoặc mua sắm hàng hóa có số lượng, khối lượng mời thầu lớn thì có thể quy định  $k = 1$

*Ví dụ: Số lượng hàng hóa cần mua là 12.000 hộp sữa, thời gian thực hiện gói thầu là 20 ngày, hệ số  $k = 1,5$  thì công suất thiết kế tối thiểu trong 01 tháng/sản lượng sản xuất sữa cao nhất của 01 tháng của nhà thầu là:  $1,5 \times (12.000 \times 30 / 20) = 27.000$  hộp sữa hoặc công suất thiết kế tối thiểu trong 01 năm/sản lượng sản xuất sữa cao nhất của 01 năm của nhà thầu là:  $1,5 \times (12.000 \times 365 / 20) = 328.500$  hộp sữa.*

Trường hợp hàng hóa là sản phẩm do nhà thầu Việt Nam sản xuất trong nước (có thể đã bán ra thị trường hoặc chưa bán ra thị trường), nhà thầu phải chứng minh công suất thiết kế hoặc sản lượng sản xuất đáp ứng yêu cầu.

Trường hợp nhà thầu vừa là sản xuất, vừa là nhà cung cấp (một số hàng hóa hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu chào trong E-HSDT là do nhà thầu sản xuất, một số hàng hóa khác hoặc một phần khối lượng hàng hóa do nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác để cung cấp cho gói thầu) thì ngoài kê khai về năng lực sản xuất, nhà thầu còn phải kê khai về kinh nghiệm thực hiện hợp đồng tương tự theo nội dung quy định tại Mục 4 Bảng số 01 Chương này. Việc đánh giá kinh nghiệm của nhà thầu sẽ được thực hiện trên cơ sở hợp đồng cung cấp hàng hóa tương tự (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu mua từ nhà sản xuất, cung cấp khác) và năng lực sản xuất của nhà thầu (tương ứng với phần hàng hóa mà nhà thầu tự sản xuất để cung cấp cho gói thầu).

Nhà thầu có thể sử dụng các tài liệu như hóa đơn bán hàng, số lượng hàng tồn kho... để chứng minh sản lượng đã sản xuất trong 01 tháng hoặc 01 năm; sử dụng tài liệu chứng minh công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất để chứng minh năng lực sản xuất.

Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, năng lực sản xuất được xác định theo công thức trên tương ứng với khối lượng, số lượng mà nhà thầu có thể cung cấp (không phải tương ứng với khối lượng mời thầu). Trong trường hợp này, chủ đầu tư cần nêu cụ thể hệ số “k”.

Nhà thầu trong nước thuộc trường hợp quy định tại điểm g khoản 1 Điều 10 của Luật Đấu thầu khi chào thầu sản phẩm do nhà thầu đó sản xuất không phải đáp ứng tiêu chí này trong thời hạn 05 năm kể từ khi được cơ quan có thẩm quyền công nhận.

(11) Trường hợp nhà thầu thiếu cam kết thì được bổ sung trong quá trình đánh giá E-HSDT. Trường hợp nhà thầu không bổ sung cam kết trong khoảng thời gian hợp lý theo yêu cầu của Chủ đầu tư thì E-HSDT của nhà thầu được coi là không đáp ứng yêu cầu về khả năng bảo hành, cung cấp phụ tùng thay thế hoặc cung cấp các dịch vụ sau bán hàng khác và bị loại. Trường hợp không yêu cầu dịch vụ sau bán hàng thì gạch bỏ tiêu chí đánh giá này.

## Bảng Y (Webform trên Hệ thống)

**BẢNG YÊU CẦU VỀ HỢP ĐỒNG TƯƠNG TỰ, NĂNG LỰC SẢN XUẤT HÀNG HÓA**

(Áp dụng đối với gói thầu có nhiều loại hàng hóa)

STT	Danh mục hàng hóa	Mã HS <sup>(1)</sup>	Chủng loại, lĩnh vực <sup>(2)</sup>	Giá trị được coi là tương tự (VND) <sup>(3)</sup>	Công suất thiết kế của nhà máy, dây chuyền sản xuất đạt tối thiểu Hoặc: Sản lượng sản xuất cao nhất của 01 tháng hoặc 01 năm trong vòng 05 năm gần nhất tính đến thời điểm đóng thầu đạt tối thiểu <sup>(4)</sup>
1	Phần mềm hợp không giấy tờ (I-Cabinet) tích hợp phòng họp thông minh			816.560.062	0,5 sản phẩm/tháng
2	Hệ thống màn hình LED	8528.xx.xx	Thiết bị CNTT	86.594.997	2,663m <sup>2</sup> /tháng
3	Máy tính bảng	8471.xx.xx	Thiết bị CNTT	28.625.000	1,67 sản phẩm/tháng

Ghi chú:

(1), (2) Nội dung tại cột này được Chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc tại ghi chú số (10) Bảng số 01 Chương này.

(3) Giá trị tại cột này được chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (11) Bảng số 01 Chương này.

(4) Giá trị tại cột này được chủ đầu tư xác định theo nguyên tắc nêu tại ghi chú số (10) Bảng số 02 Chương này.

## 2.2. Tiêu chuẩn đánh giá về nhân sự chủ chốt:

Không được yêu cầu về huy động nhân sự chủ chốt đối với phần công việc cung cấp hàng hóa. Đối với hàng hóa thông dụng, sẵn có trên thị trường, không đòi hỏi nhân sự thực hiện dịch vụ liên quan (như: lắp đặt, đào tạo, chuyển giao công nghệ...) phải có trình độ cao thì không yêu cầu về nhân sự chủ chốt. Chỉ được yêu cầu về nhân sự chủ chốt đối với các dịch vụ liên quan có yếu tố đặc thù, phức tạp cần thiết phải có nhân sự có hiểu biết, nhiều kinh nghiệm đảm nhận.

Trường hợp E-HSMT yêu cầu về nhân sự chủ chốt thì nhà thầu phải chứng minh khả năng huy động các nhân sự chủ chốt đã đề xuất. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất và hồ sơ kinh nghiệm của nhân sự theo các Mẫu số 06A, 06B, 06C Chương IV. Nhân sự chủ chốt có thể thuộc biên chế của nhà thầu hoặc do nhà thầu huy động. Trường hợp nhân sự chủ chốt mà nhà thầu kê khai trong E-HSDT không đáp ứng yêu cầu hoặc không chứng minh được khả năng huy động nhân sự (bao gồm cả trường hợp nhân sự chủ chốt đã huy động cho hợp đồng khác có thời gian làm việc trùng với thời gian thực hiện gói thầu này), Chủ đầu tư cho phép nhà thầu bổ sung, thay thế. Nhà thầu chỉ được phép bổ sung, thay thế một lần đối với từng vị trí nhân sự chủ chốt trong một khoảng thời gian phù hợp nhưng không ít hơn 03 ngày làm việc. Trường hợp nhà thầu không có nhân sự chủ chốt thay thế đáp ứng yêu cầu của E-HSMT thì nhà thầu bị loại. Trường hợp nhà thầu cố ý kê khai nhân sự chủ chốt không trung thực trong E-HSDT nhằm làm sai lệch kết quả lựa chọn nhà thầu thì nhà thầu không được thay thế nhân sự khác, E-HSDT của nhà thầu bị loại và nhà thầu sẽ bị coi là gian lận theo quy định tại điểm b khoản 4 Điều 16 của Luật Đấu thầu và bị xử lý theo quy định tại khoản 1 Điều 133 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP.

Yêu cầu về nhân sự chủ chốt được số hóa dưới dạng Webform trên Hệ thống. Kinh nghiệm trong các công việc tương tự được thể hiện ở số năm tối thiểu nhân sự thực hiện các công việc tương tự hoặc số hợp đồng tối thiểu trong các công việc tương tự. Số năm kinh nghiệm của nhân sự chủ chốt được tính từ thời điểm nhân sự bắt đầu thực hiện công việc tương tự đó đến thời điểm đóng thầu. Nhà thầu phải cung cấp thông tin chi tiết về các nhân sự chủ chốt được đề xuất theo Mẫu số 06A, 06B và 06C Chương IV để chứng minh rằng mình có đầy đủ nhân sự cho các vị trí chủ chốt đáp ứng những yêu cầu sau đây:

**Bảng số 03: Yêu cầu về nhân sự chủ chốt (Webform trên Hệ thống):**  
**Không yêu cầu**

### Mục 3. Tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật

Sử dụng tiêu chí đạt/không đạt hoặc phương pháp chấm điểm để xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật.

Việc xây dựng tiêu chuẩn đánh giá về kỹ thuật dựa trên các yếu tố về khả năng đáp ứng các yêu cầu về số lượng, chất lượng, thời hạn giao hàng, vận chuyển, lắp đặt, bảo hành, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng (nếu có), thông tin về kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có) và các yêu cầu khác nêu trong Chương V. Căn cứ từng gói thầu cụ thể, khi lập E-HSMT phải cụ thể hóa các tiêu chí làm cơ sở để đánh giá về kỹ thuật bao gồm:

- Đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa, tiêu chuẩn sản xuất, tiêu chuẩn chế tạo và công nghệ;
- Tính hợp lý và hiệu quả kinh tế của các giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, lắp đặt hàng hóa;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về bảo hành, bảo trì: nhà thầu phải trình bày được kế hoạch cung cấp dịch vụ bảo hành, bảo trì;
- Mức độ đáp ứng các yêu cầu về cung cấp vật tư, thiết bị thay thế và các dịch vụ liên quan khác (nếu có) trong toàn bộ quá trình sử dụng của hàng hóa.
- Khả năng thích ứng về mặt địa lý, môi trường;
- Tác động đối với môi trường và biện pháp giải quyết;
- Tiêu chí đấu thầu bền vững (nếu có);
- Các yếu tố về điều kiện thương mại, thời gian giao hàng, đào tạo chuyên giao công nghệ, cung cấp các dịch vụ sau bán hàng;
- Tiến độ cung cấp hàng hóa;
- Yếu tố thân thiện môi trường;
- Kết quả thực hiện hợp đồng của nhà thầu đối với gói thầu cung cấp hàng hóa, EPC, EP, PC, chìa khóa trao tay theo quy định tại Điều 19 và Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP, chất lượng hàng hóa tương tự được công khai theo quy định tại Điều 20 của Nghị định số 214/2025/NĐ-CP (nếu có);
- Các yếu tố cần thiết khác.

### **3.1. Đánh giá theo phương pháp đạt/không đạt<sup>1</sup>:**

Căn cứ quy mô, tính chất của gói thầu mà xác định mức độ yêu cầu đối với từng nội dung. Đối với các tiêu chí đánh giá tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt. Đối với các tiêu chí chi tiết cơ bản trong tiêu chí tổng quát, chỉ sử dụng tiêu chí đạt, không đạt; đối với các tiêu chí chi tiết không cơ bản trong tiêu chí tổng quát, ngoài tiêu chí đạt, không đạt, được áp dụng thêm tiêu chí chấp nhận

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xoá bỏ khoản 3.1 Mục 3 Chương này.

được nhưng không được vượt quá 30% tổng số các tiêu chí chi tiết trong tiêu chí tổng quát đó.

Tiêu chí tổng quát được đánh giá là đạt khi tất cả các tiêu chí chi tiết cơ bản được đánh giá là đạt và các tiêu chí chi tiết không cơ bản được đánh giá là đạt hoặc chấp nhận được.

E-HSDT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí tổng quát đều được đánh giá là đạt.

STT	Nội dung, mô tả	Tài liệu, file chứng minh (*)	Tiêu chí đánh giá	
			Đạt	Không đạt
<b>I</b>	<b>YÊU CẦU CHUNG</b>			
1	Giải pháp phải có kiến trúc hệ thống đa lớp, trong đó có thể có các lớp cơ bản: hạ tầng, cơ sở dữ liệu, ứng dụng, hiển thị.	Tài liệu giải pháp kỹ thuật nộp kèm E-HSDT	Có tài liệu và nội dung chứng minh đáp ứng yêu cầu	Không có tài liệu hoặc có tài liệu nhưng nội dung chứng minh không đáp ứng yêu cầu
2	Nhà thầu trình bày mô hình tổng thể, mô hình logic và mô hình cài đặt hệ thống	Tài liệu giải pháp kỹ thuật nộp kèm E-HSDT	Có tài liệu và nội dung chứng minh đáp ứng yêu cầu	Không có tài liệu hoặc có tài liệu nhưng nội dung chứng minh không đáp ứng yêu cầu
3	Nhà thầu chứng minh giải pháp và biện pháp tích hợp, trao đổi dữ liệu với hệ thống quản lý cán bộ công chức, viên chức; trao đổi, tích hợp dữ liệu thư viện số hiện đang được khai thác sử dụng và các hệ thống liên quan khác (nếu có)	Tài liệu chứng minh giải pháp và biện pháp tích hợp, trao đổi dữ liệu nộp kèm E-HSDT	Có tài liệu và nội dung chứng minh đầy đủ và đáp ứng yêu cầu	Không có tài liệu hoặc có tài liệu nhưng nội dung chứng minh không đầy đủ, không đáp ứng yêu cầu
<b>II</b>	<b>YÊU CẦU CHỨC NĂNG</b>			
1	<b>Xem lịch sử truy cập: thông tin nhật ký sử dụng và xem danh sách lỗi phát sinh</b>	1. Tài liệu mô tả chức năng: có hình ảnh và mô tả chi tiết chức năng (nộp kèm E-HSDT)	Nhà thầu được đánh giá Đạt khi đồng thời đáp ứng đầy đủ cả 4 tiêu chí sau:	Nhà thầu bị đánh giá Không đạt nếu bất kỳ một (01) tiêu chí nào trong các tiêu chí dưới

STT	Nội dung, mô tả	Tài liệu, file chứng minh (*)	Tiêu chí đánh giá	
			Đạt	Không đạt
		<p>2. Thiết kế giao diện dạng file .html (hoặc .htm) theo đúng yêu cầu của mục “Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao diện chương trình”, chương V (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>3. Video clip thể hiện thiết kế giao diện chi tiết của các file .html (hoặc .htm) nhằm chứng minh hiểu biết nghiệp vụ (nộp kèm E-HSDT)</p>	<p>1. Tài liệu mô tả: Có, kèm hình ảnh minh họa và mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Có, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V.</p> <p>3. Video clip chi tiết: Có, thể hiện đầy đủ thiết kế giao diện tất cả các tính năng theo yêu cầu.</p>	<p>đây không đáp ứng:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Không có; hoặc có nhưng không kèm hình ảnh minh họa; hoặc không mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Không có; hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V.</p> <p>3. Video clip chi tiết: Không có; hoặc có nhưng không thể hiện đầy đủ các tính năng theo yêu cầu; hoặc thiếu một trong các tính năng đã mô tả.</p>
2	<b>Quản lý chức năng menu hệ thống</b> (chi tiết tại Chương V, E-HSMT)	<p>1. Tài liệu mô tả chức năng: có hình ảnh và mô tả chi tiết chức năng (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>2. Thiết kế giao diện dạng file .html (hoặc .htm) theo đúng yêu cầu của mục “Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật</p>	<p>Nhà thầu được đánh giá Đạt khi đồng thời đáp ứng đầy đủ cả 4 tiêu chí sau:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Có, kèm hình ảnh minh họa và mô tả chi tiết các chức năng.</p>	<p>Nhà thầu bị đánh giá Không đạt nếu bất kỳ một (01) tiêu chí nào trong các tiêu chí dưới đây không đáp ứng:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Không có; hoặc có nhưng không kèm hình ảnh minh họa; hoặc</p>

STT	Nội dung, mô tả	Tài liệu, file chứng minh (*)	Tiêu chí đánh giá	
			Đạt	Không đạt
		<p>cần đạt được của các giao diện chương trình”, chương V (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>3. Video clip thể hiện thiết kế giao diện chi tiết của các file .html (hoặc .htm) nhằm chứng minh hiểu biết nghiệp vụ (nộp kèm E-HSDT)</p>	<p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Có, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V.</p> <p>3. Video clip chi tiết: Có, thể hiện đầy đủ thiết kế giao diện tất cả các tính năng theo yêu cầu.</p>	<p>không mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Không có; hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V.</p> <p>3. Video clip chi tiết: Không có; hoặc có nhưng không thể hiện đầy đủ các tính năng theo yêu cầu; hoặc thiếu một trong các tính năng đã mô tả.</p>
3	<b>Quản lý tài khoản người dùng</b> (chi tiết tại Chương V, E-HSMT)	<p>1. Tài liệu mô tả chức năng: có hình ảnh và mô tả chi tiết chức năng (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>2. Thiết kế giao diện dạng file .html (hoặc .htm) theo đúng yêu cầu của mục “Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao diện chương trình”, chương V (nộp kèm E-HSDT)</p>	<p>Nhà thầu được đánh giá Đạt khi đồng thời đáp ứng đầy đủ cả 4 tiêu chí sau:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Có, kèm hình ảnh minh họa và mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Có, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu</p>	<p>Nhà thầu bị đánh giá Không đạt nếu bất kỳ một (01) tiêu chí nào trong các tiêu chí dưới đây không đáp ứng:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Không có; hoặc có nhưng không kèm hình ảnh minh họa; hoặc không mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Không có; hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ</p>

STT	Nội dung, mô tả	Tài liệu, file chứng minh (*)	Tiêu chí đánh giá	
			Đạt	Không đạt
		3. Video clip thể hiện thiết kế giao diện chi tiết của các file .html (hoặc .htm) nhằm chứng minh hiểu biết nghiệp vụ (nộp kèm E-HSDT)	cầu tại Chương V. 3. Video clip chi tiết: Có, thể hiện đầy đủ thiết kế giao diện tất cả các tính năng theo yêu cầu.	yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V. 3. Video clip chi tiết: Không có; hoặc có nhưng không thể hiện đầy đủ các tính năng theo yêu cầu; hoặc thiếu một trong các tính năng đã mô tả.
4	<b>Quản lý nhóm quyền truy cập</b> (chi tiết tại Chương V, E-HSMT)	1. Tài liệu mô tả chức năng: có hình ảnh và mô tả chi tiết chức năng (nộp kèm E-HSDT) 2. Thiết kế giao diện dạng file .html (hoặc .htm) theo đúng yêu cầu của mục “Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao diện chương trình”, chương V (nộp kèm E-HSDT) 3. Video clip thể hiện thiết kế giao diện chi tiết của các file .html (hoặc .htm) nhằm chứng minh hiểu biết nghiệp vụ (nộp kèm E-	Nhà thầu được đánh giá Đạt khi đồng thời đáp ứng đầy đủ cả 4 tiêu chí sau: 1. Tài liệu mô tả: Có, kèm hình ảnh minh họa và mô tả chi tiết các chức năng. 2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Có, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V. 3. Video clip chi tiết: Có, thể hiện đầy đủ thiết kế giao diện tất cả các tính năng theo yêu cầu.	Nhà thầu bị đánh giá Không đạt nếu bất kỳ một (01) tiêu chí nào trong các tiêu chí dưới đây không đáp ứng: 1. Tài liệu mô tả: Không có; hoặc có nhưng không kèm hình ảnh minh họa; hoặc không mô tả chi tiết các chức năng. 2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Không có; hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V. 3. Video clip chi tiết: Không có; hoặc có nhưng không thể hiện

STT	Nội dung, mô tả	Tài liệu, file chứng minh (*)	Tiêu chí đánh giá	
			Đạt	Không đạt
		HSDT)		đầy đủ các tính năng theo yêu cầu; hoặc thiếu một trong các tính năng đã mô tả.
5	<b>Cấp quyền truy cập cho người dùng</b> (chi tiết tại Chương V, E-HSMT)	<p>1. Tài liệu mô tả chức năng: có hình ảnh và mô tả chi tiết chức năng (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>2. Thiết kế giao diện dạng file .html (hoặc .htm) theo đúng yêu cầu của mục “Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao diện chương trình”, chương V (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>3. Video clip thể hiện thiết kế giao diện chi tiết của các file .html (hoặc .htm) nhằm chứng minh hiểu biết nghiệp vụ (nộp kèm E-HSDT)</p>	<p>Nhà thầu được đánh giá Đạt khi đồng thời đáp ứng đầy đủ cả 4 tiêu chí sau:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Có, kèm hình ảnh minh họa và mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Có, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V.</p> <p>3. Video clip chi tiết: Có, thể hiện đầy đủ thiết kế giao diện tất cả các tính năng theo yêu cầu.</p>	<p>Nhà thầu bị đánh giá Không đạt nếu bất kỳ một (01) tiêu chí nào trong các tiêu chí dưới đây không đáp ứng:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Không có; hoặc có nhưng không kèm hình ảnh minh họa; hoặc không mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Không có; hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V.</p> <p>3. Video clip chi tiết: Không có; hoặc có nhưng không thể hiện đầy đủ các tính năng theo yêu cầu; hoặc thiếu một trong các tính năng đã mô tả.</p>
6	<b>Quản lý danh mục đơn vị</b> (chi tiết tại Chương V, E-HSMT)	1. Tài liệu mô tả chức năng: có hình ảnh và mô	Nhà thầu được đánh giá Đạt khi đồng thời	Nhà thầu bị đánh giá Không đạt nếu bất kỳ một (01)

STT	Nội dung, mô tả	Tài liệu, file chứng minh (*)	Tiêu chí đánh giá	
			Đạt	Không đạt
		<p>tả chi tiết chức năng (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>2. Thiết kế giao diện dạng file .html (hoặc .htm) theo đúng yêu cầu của mục “Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao diện chương trình”, chương V (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>3. Video clip thể hiện thiết kế giao diện chi tiết của các file .html (hoặc .htm) nhằm chứng minh hiểu biết nghiệp vụ (nộp kèm E-HSDT)</p>	<p>đáp ứng đầy đủ cả 4 tiêu chí sau:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Có, kèm hình ảnh minh họa và mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (html/.htm): Có, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V.</p> <p>3. Video clip chi tiết: Có, thể hiện đầy đủ thiết kế giao diện tất cả các tính năng theo yêu cầu.</p>	<p>tiêu chí nào trong các tiêu chí dưới đây không đáp ứng:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Không có; hoặc có nhưng không kèm hình ảnh minh họa; hoặc không mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (html/.htm): Không có; hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V.</p> <p>3. Video clip chi tiết: Không có; hoặc có nhưng không thể hiện đầy đủ các tính năng theo yêu cầu; hoặc thiếu một trong các tính năng đã mô tả.</p>
7	<b>Quản lý danh mục cán bộ, nhân viên</b> (chi tiết tại Chương V, E-HSMT)	<p>1. Tài liệu mô tả chức năng: có hình ảnh và mô tả chi tiết chức năng (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>2. Thiết kế giao diện dạng file .html (hoặc .htm) theo đúng yêu cầu của mục</p>	<p>Nhà thầu được đánh giá Đạt khi đồng thời đáp ứng đầy đủ cả 4 tiêu chí sau:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Có, kèm hình ảnh minh họa và mô tả</p>	<p>Nhà thầu bị đánh giá Không đạt nếu bất kỳ một (01) tiêu chí nào trong các tiêu chí dưới đây không đáp ứng:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Không có; hoặc có nhưng không kèm hình ảnh</p>

STT	Nội dung, mô tả	Tài liệu, file chứng minh (*)	Tiêu chí đánh giá	
			Đạt	Không đạt
		<p>“Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao diện chương trình”, chương V (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>3. Video clip thể hiện thiết kế giao diện chi tiết của các file .html (hoặc .htm) nhằm chứng minh hiểu biết nghiệp vụ (nộp kèm E-HSDT)</p>	<p>chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Có, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V.</p> <p>3. Video clip chi tiết: Có, thể hiện đầy đủ thiết kế giao diện tất cả các tính năng theo yêu cầu.</p>	<p>minh họa; hoặc không mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Không có; hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V.</p> <p>3. Video clip chi tiết: Không có; hoặc có nhưng không thể hiện đầy đủ các tính năng theo yêu cầu; hoặc thiếu một trong các tính năng đã mô tả.</p>
8	<b>Quản lý chức vụ</b> (chi tiết tại Chương V, E-HSMT)	<p>1. Tài liệu mô tả chức năng: có hình ảnh và mô tả chi tiết chức năng (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>2. Thiết kế giao diện dạng file .html (hoặc .htm) theo đúng yêu cầu của mục “Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao diện chương trình”, chương V (nộp kèm E-HSDT)</p>	<p>Nhà thầu được đánh giá Đạt khi đồng thời đáp ứng đầy đủ cả 4 tiêu chí sau:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Có, kèm hình ảnh minh họa và mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Có, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu</p>	<p>Nhà thầu bị đánh giá Không đạt nếu bất kỳ một (01) tiêu chí nào trong các tiêu chí dưới đây không đáp ứng:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Không có; hoặc có nhưng không kèm hình ảnh minh họa; hoặc không mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Không có; hoặc có nhưng không</p>

STT	Nội dung, mô tả	Tài liệu, file chứng minh (*)	Tiêu chí đánh giá	
			Đạt	Không đạt
		3. Video clip thể hiện thiết kế giao diện chi tiết của các file .html (hoặc .htm) nhằm chứng minh hiểu biết nghiệp vụ (nộp kèm E-HSDT)	cầu tại Chương V. 3. Video clip chi tiết: Có, thể hiện đầy đủ thiết kế giao diện tất cả các tính năng theo yêu cầu.	đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V. 3. Video clip chi tiết: Không có; hoặc có nhưng không thể hiện đầy đủ các tính năng theo yêu cầu; hoặc thiếu một trong các tính năng đã mô tả.
9	<b>Quản lý chủ đề tài liệu</b> (chi tiết tại Chương V, E-HSMT)	1. Tài liệu mô tả chức năng: có hình ảnh và mô tả chi tiết chức năng (nộp kèm E-HSDT) 2. Thiết kế giao diện dạng file .html (hoặc .htm) theo đúng yêu cầu của mục “Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao diện chương trình”, chương V (nộp kèm E-HSDT) 3. Video clip thể hiện thiết kế giao diện chi tiết của các file .html (hoặc .htm) nhằm chứng minh hiểu biết nghiệp	Nhà thầu được đánh giá Đạt khi đồng thời đáp ứng đầy đủ cả 4 tiêu chí sau: 1. Tài liệu mô tả: Có, kèm hình ảnh minh họa và mô tả chi tiết các chức năng. 2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Có, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V. 3. Video clip chi tiết: Có, thể hiện đầy đủ thiết kế giao diện tất cả các	Nhà thầu bị đánh giá Không đạt nếu bất kỳ một (01) tiêu chí nào trong các tiêu chí dưới đây không đáp ứng: 1. Tài liệu mô tả: Không có; hoặc có nhưng không kèm hình ảnh minh họa; hoặc không mô tả chi tiết các chức năng. 2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Không có; hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V. 3. Video clip chi tiết: Không có; hoặc có nhưng

STT	Nội dung, mô tả	Tài liệu, file chứng minh (*)	Tiêu chí đánh giá	
			Đạt	Không đạt
		vụ (nộp kèm E-HSDT)	tính năng theo yêu cầu.	không thể hiện đầy đủ các tính năng theo yêu cầu; hoặc thiếu một trong các tính năng đã mô tả.
10	<b>Đăng ký tài khoản</b> (chi tiết tại Chương V, E-HSMT)	<p>1. Tài liệu mô tả chức năng: có hình ảnh và mô tả chi tiết chức năng (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>2. Thiết kế giao diện dạng file .html (hoặc .htm) theo đúng yêu cầu của mục “Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao diện chương trình”, chương V (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>3. Video clip thể hiện thiết kế giao diện chi tiết của các file .html (hoặc .htm) nhằm chứng minh hiểu biết nghiệp vụ (nộp kèm E-HSDT)</p>	<p>Nhà thầu được đánh giá Đạt khi đồng thời đáp ứng đầy đủ cả 4 tiêu chí sau:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Có, kèm hình ảnh minh họa và mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Có, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V.</p> <p>3. Video clip chi tiết: Có, thể hiện đầy đủ thiết kế giao diện tất cả các tính năng theo yêu cầu.</p>	<p>Nhà thầu bị đánh giá Không đạt nếu bất kỳ một (01) tiêu chí nào trong các tiêu chí dưới đây không đáp ứng:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Không có; hoặc có nhưng không kèm hình ảnh minh họa; hoặc không mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Không có; hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V.</p> <p>3. Video clip chi tiết: Không có; hoặc có nhưng không thể hiện đầy đủ các tính năng theo yêu cầu; hoặc thiếu một trong các tính năng đã mô tả.</p>

STT	Nội dung, mô tả	Tài liệu, file chứng minh (*)	Tiêu chí đánh giá	
			Đạt	Không đạt
11	<b>Cập nhật thông tin tài khoản cá nhân</b> (chi tiết tại Chương V, E-HSMT)	<p>1. Tài liệu mô tả chức năng: có hình ảnh và mô tả chi tiết chức năng (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>2. Thiết kế giao diện dạng file .html (hoặc .htm) theo đúng yêu cầu của mục “Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao diện chương trình”, chương V (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>3. Video clip thể hiện thiết kế giao diện chi tiết của các file .html (hoặc .htm) nhằm chứng minh hiểu biết nghiệp vụ (nộp kèm E-HSDT)</p>	<p>Nhà thầu được đánh giá Đạt khi đồng thời đáp ứng đầy đủ cả 4 tiêu chí sau:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Có, kèm hình ảnh minh họa và mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Có, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V.</p> <p>3. Video clip chi tiết: Có, thể hiện đầy đủ thiết kế giao diện tất cả các tính năng theo yêu cầu.</p>	<p>Nhà thầu bị đánh giá Không đạt nếu bất kỳ một (01) tiêu chí nào trong các tiêu chí dưới đây không đáp ứng:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Không có; hoặc có nhưng không kèm hình ảnh minh họa; hoặc không mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Không có; hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V.</p> <p>3. Video clip chi tiết: Không có; hoặc có nhưng không thể hiện đầy đủ các tính năng theo yêu cầu; hoặc thiếu một trong các tính năng đã mô tả.</p>
12	<b>Đăng nhập hệ thống</b> (chi tiết tại Chương V, E-HSMT)	<p>1. Tài liệu mô tả chức năng: có hình ảnh và mô tả chi tiết chức năng (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>2. Thiết kế giao diện dạng file</p>	<p>Nhà thầu được đánh giá Đạt khi đồng thời đáp ứng đầy đủ cả 4 tiêu chí sau:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Có, kèm</p>	<p>Nhà thầu bị đánh giá Không đạt nếu bất kỳ một (01) tiêu chí nào trong các tiêu chí dưới đây không đáp ứng:</p>

STT	Nội dung, mô tả	Tài liệu, file chứng minh (*)	Tiêu chí đánh giá	
			Đạt	Không đạt
		.html (hoặc .htm) theo đúng yêu cầu của mục “Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao diện chương trình”, chương V (nộp kèm E-HSDT) 3. Video clip thể hiện thiết kế giao diện chi tiết của các file .html (hoặc .htm) nhằm chứng minh hiểu biết nghiệp vụ (nộp kèm E-HSDT)	hình ảnh minh họa và mô tả chi tiết các chức năng. 2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Có, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V. 3. Video clip chi tiết: Có, thể hiện đầy đủ thiết kế giao diện tất cả các tính năng theo yêu cầu.	1. Tài liệu mô tả: Không có; hoặc có nhưng không kèm hình ảnh minh họa; hoặc không mô tả chi tiết các chức năng. 2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Không có; hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V. 3. Video clip chi tiết: Không có; hoặc có nhưng không thể hiện đầy đủ các tính năng theo yêu cầu; hoặc thiếu một trong các tính năng đã mô tả.
13	<b>Tìm kiếm đơn giản tài liệu phục vụ họp</b> (chi tiết tại Chương V, E-HSMT)	1. Tài liệu mô tả chức năng: có hình ảnh và mô tả chi tiết chức năng (nộp kèm E-HSDT) 2. Thiết kế giao diện dạng file .html (hoặc .htm) theo đúng yêu cầu của mục “Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao	Nhà thầu được đánh giá Đạt khi đồng thời đáp ứng đầy đủ cả 4 tiêu chí sau: 1. Tài liệu mô tả: Có, kèm hình ảnh minh họa và mô tả chi tiết các chức năng. 2. File thiết kế giao diện (.html/.htm):	Nhà thầu bị đánh giá Không đạt nếu bất kỳ một (01) tiêu chí nào trong các tiêu chí dưới đây không đáp ứng: 1. Tài liệu mô tả: Không có; hoặc có nhưng không kèm hình ảnh minh họa; hoặc không mô tả chi tiết các chức năng.

STT	Nội dung, mô tả	Tài liệu, file chứng minh (*)	Tiêu chí đánh giá	
			Đạt	Không đạt
		<p>diện chương trình”, chương V (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>3. Video clip thể hiện thiết kế giao diện chi tiết của các file .html (hoặc .htm) nhằm chứng minh hiểu biết nghiệp vụ (nộp kèm E-HSDT)</p>	<p>Có, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V.</p> <p>3. Video clip chi tiết: Có, thể hiện đầy đủ thiết kế giao diện tất cả các tính năng theo yêu cầu.</p>	<p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Không có; hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V.</p> <p>3. Video clip chi tiết: Không có; hoặc có nhưng không thể hiện đầy đủ các tính năng theo yêu cầu; hoặc thiếu một trong các tính năng đã mô tả.</p>
14	<b>Tìm kiếm nâng cao tài liệu phục vụ họp</b> (chi tiết tại Chương V, E-HSMT)	<p>1. Tài liệu mô tả chức năng: có hình ảnh và mô tả chi tiết chức năng (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>2. Thiết kế giao diện dạng file .html (hoặc .htm) theo đúng yêu cầu của mục “Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao diện chương trình”, chương V (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>3. Video clip thể hiện thiết kế giao diện chi tiết</p>	<p>Nhà thầu được đánh giá Đạt khi đồng thời đáp ứng đầy đủ cả 4 tiêu chí sau:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Có, kèm hình ảnh minh họa và mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Có, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V.</p>	<p>Nhà thầu bị đánh giá Không đạt nếu bất kỳ một (01) tiêu chí nào trong các tiêu chí dưới đây không đáp ứng:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Không có; hoặc có nhưng không kèm hình ảnh minh họa; hoặc không mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Không có; hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật</p>

STT	Nội dung, mô tả	Tài liệu, file chứng minh (*)	Tiêu chí đánh giá	
			Đạt	Không đạt
		của các file .html (hoặc .htm) nhằm chứng minh hiểu biết nghiệp vụ (nộp kèm E-HSDT)	3. Video clip chi tiết: Có, thể hiện đầy đủ thiết kế giao diện tất cả các tính năng theo yêu cầu.	theo yêu cầu tại Chương V. 3. Video clip chi tiết: Không có; hoặc có nhưng không thể hiện đầy đủ các tính năng theo yêu cầu; hoặc thiếu một trong các tính năng đã mô tả.
15	<b>Tổ chức và quản lý cuộc họp</b> (chi tiết bao gồm: giấy mời, quản lý phòng họp, duyệt cuộc họp, thành phần tham gia, thành phần đã xác nhận, điểm danh, chương trình, biểu quyết, biên bản, nhiệm vụ sau cuộc họp)	<p>1. Tài liệu mô tả chức năng: có hình ảnh và mô tả chi tiết chức năng (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>2. Thiết kế giao diện dạng file .html (hoặc .htm) theo đúng yêu cầu của mục “Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao diện chương trình”, chương V (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>3. Video clip thể hiện thiết kế giao diện chi tiết của các file .html (hoặc .htm) nhằm chứng minh hiểu biết nghiệp vụ (nộp kèm E-HSDT)</p>	<p>Nhà thầu được đánh giá Đạt khi đồng thời đáp ứng đầy đủ cả 4 tiêu chí sau:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Có, kèm hình ảnh minh họa và mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Có, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V.</p> <p>3. Video clip chi tiết: Có, thể hiện đầy đủ thiết kế giao diện tất cả các tính năng theo yêu cầu.</p>	<p>Nhà thầu bị đánh giá Không đạt nếu bất kỳ một (01) tiêu chí nào trong các tiêu chí dưới đây không đáp ứng:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Không có; hoặc có nhưng không kèm hình ảnh minh họa; hoặc không mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Không có; hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V.</p> <p>3. Video clip chi tiết: Không có; hoặc có nhưng không thể hiện đầy đủ các tính năng theo yêu</p>

STT	Nội dung, mô tả	Tài liệu, file chứng minh (*)	Tiêu chí đánh giá	
			Đạt	Không đạt
				cầu; hoặc thiếu một trong các tính năng đã mô tả.
16	<b>Góp ý nội dung và tài liệu họp</b> (chi tiết tại Chương V, E-HSMT)	<p>1. Tài liệu mô tả chức năng: có hình ảnh và mô tả chi tiết chức năng (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>2. Thiết kế giao diện dạng file .html (hoặc .htm) theo đúng yêu cầu của mục “Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao diện chương trình”, chương V (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>3. Video clip thể hiện thiết kế giao diện chi tiết của các file .html (hoặc .htm) nhằm chứng minh hiểu biết nghiệp vụ (nộp kèm E-HSDT)</p>	<p>Nhà thầu được đánh giá Đạt khi đồng thời đáp ứng đầy đủ cả 4 tiêu chí sau:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Có, kèm hình ảnh minh họa và mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Có, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V.</p> <p>3. Video clip chi tiết: Có, thể hiện đầy đủ thiết kế giao diện tất cả các tính năng theo yêu cầu.</p>	<p>Nhà thầu bị đánh giá Không đạt nếu bất kỳ một (01) tiêu chí nào trong các tiêu chí dưới đây không đáp ứng:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Không có; hoặc có nhưng không kèm hình ảnh minh họa; hoặc không mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Không có; hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V.</p> <p>3. Video clip chi tiết: Không có; hoặc có nhưng không thể hiện đầy đủ các tính năng theo yêu cầu; hoặc thiếu một trong các tính năng đã mô tả.</p>
17	<b>Tạo ghi chú tài liệu sau cuộc họp</b> (chi tiết tại Chương V, E-HSMT)	<p>1. Tài liệu mô tả chức năng: có hình ảnh và mô tả chi tiết chức</p>	<p>Nhà thầu được đánh giá Đạt khi đồng thời đáp ứng đầy đủ</p>	<p>Nhà thầu bị đánh giá Không đạt nếu bất kỳ một (01) tiêu chí nào trong các tiêu chí dưới</p>

STT	Nội dung, mô tả	Tài liệu, file chứng minh (*)	Tiêu chí đánh giá	
			Đạt	Không đạt
		<p>năng (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>2. Thiết kế giao diện dạng file .html (hoặc .htm) theo đúng yêu cầu của mục “Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao diện chương trình”, chương V (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>3. Video clip thể hiện thiết kế giao diện chi tiết của các file .html (hoặc .htm) nhằm chứng minh hiểu biết nghiệp vụ (nộp kèm E-HSDT)</p>	<p>cả 4 tiêu chí sau:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Có, kèm hình ảnh minh họa và mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Có, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V.</p> <p>3. Video clip chi tiết: Có, thể hiện đầy đủ thiết kế giao diện tất cả các tính năng theo yêu cầu.</p>	<p>đây không đáp ứng:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Không có; hoặc có nhưng không kèm hình ảnh minh họa; hoặc không mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Không có; hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V.</p> <p>3. Video clip chi tiết: Không có; hoặc có nhưng không thể hiện đầy đủ các tính năng theo yêu cầu; hoặc thiếu một trong các tính năng đã mô tả.</p>
18	<b>Quản lý tác giả tiêu biểu</b> (chi tiết tại Chương V, E-HSMT)	<p>1. Tài liệu mô tả chức năng: có hình ảnh và mô tả chi tiết chức năng (nộp kèm E-HSDT)</p> <p>2. Thiết kế giao diện dạng file .html (hoặc .htm) theo đúng yêu cầu của mục “Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật</p>	<p>Nhà thầu được đánh giá Đạt khi đồng thời đáp ứng đầy đủ cả 4 tiêu chí sau:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Có, kèm hình ảnh minh họa và mô tả chi tiết các chức năng.</p>	<p>Nhà thầu bị đánh giá Không đạt nếu bất kỳ một (01) tiêu chí nào trong các tiêu chí dưới đây không đáp ứng:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Không có; hoặc có nhưng không kèm hình ảnh minh họa; hoặc</p>

STT	Nội dung, mô tả	Tài liệu, file chứng minh (*)	Tiêu chí đánh giá	
			Đạt	Không đạt
		<p>cần đạt được của các giao diện chương trình”, chương V (nộp kèm E-HSĐT)</p> <p>3. Video clip thể hiện thiết kế giao diện chi tiết của các file .html (hoặc .htm) nhằm chứng minh hiểu biết nghiệp vụ (nộp kèm E-HSĐT)</p>	<p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Có, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V.</p> <p>3. Video clip chi tiết: Có, thể hiện đầy đủ thiết kế giao diện tất cả các tính năng theo yêu cầu.</p>	<p>không mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Không có; hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V.</p> <p>3. Video clip chi tiết: Không có; hoặc có nhưng không thể hiện đầy đủ các tính năng theo yêu cầu; hoặc thiếu một trong các tính năng đã mô tả.</p>
19	<b>Tiếp nhận ý kiến người họp từ phòng họp</b> (chi tiết tại Chương V, E-HSMT)	<p>1. Tài liệu mô tả chức năng: có hình ảnh và mô tả chi tiết chức năng (nộp kèm E-HSĐT)</p> <p>2. Thiết kế giao diện dạng file .html (hoặc .htm) theo đúng yêu cầu của mục “Yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật cần đạt được của các giao diện chương trình”, chương V (nộp kèm E-HSĐT)</p>	<p>Nhà thầu được đánh giá Đạt khi đồng thời đáp ứng đầy đủ cả 4 tiêu chí sau:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Có, kèm hình ảnh minh họa và mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Có, đáp ứng đầy đủ yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu</p>	<p>Nhà thầu bị đánh giá Không đạt nếu bất kỳ một (01) tiêu chí nào trong các tiêu chí dưới đây không đáp ứng:</p> <p>1. Tài liệu mô tả: Không có; hoặc có nhưng không kèm hình ảnh minh họa; hoặc không mô tả chi tiết các chức năng.</p> <p>2. File thiết kế giao diện (.html/.htm): Không có; hoặc có nhưng không đáp ứng đầy đủ</p>

STT	Nội dung, mô tả	Tài liệu, file chứng minh (*)	Tiêu chí đánh giá	
			Đạt	Không đạt
		3. Video clip thể hiện thiết kế giao diện chi tiết của các file .html (hoặc .htm) nhằm chứng minh hiểu biết nghiệp vụ (nộp kèm E-HSDT)	câu tại Chương V. 3. Video clip chi tiết: Có, thể hiện đầy đủ thiết kế giao diện tất cả các tính năng theo yêu cầu.	yêu cầu về mỹ thuật, kỹ thuật theo yêu cầu tại Chương V. 3. Video clip chi tiết: Không có; hoặc có nhưng không thể hiện đầy đủ các tính năng theo yêu cầu; hoặc thiếu một trong các tính năng đã mô tả.
<b>III</b>	<b>ĐẶC TÍNH, THÔNG SỐ KỸ THUẬT, GIẢI PHÁP KỸ THUẬT</b>			
1	Yêu cầu chung			
1.1	Các đặc tính, thông số kỹ thuật của hàng hóa chào thầu theo đúng yêu cầu tại chương V, E-HSMT	Tài liệu nộp kèm E-HSDT	Có tài liệu và nội dung chứng minh đáp ứng yêu cầu	Không có tài liệu hoặc có tài liệu nhưng nội dung chứng minh không đáp ứng yêu cầu
1.2	Trình bày hiểu biết về nền tảng công nghệ tại chương V của E-HSMT	Tài liệu nộp kèm E-HSDT	Có tài liệu và nội dung chứng minh đáp ứng yêu cầu	Không có tài liệu hoặc có tài liệu nhưng nội dung chứng minh không đáp ứng yêu cầu
2	Hiểu biết về quy trình nghiệp vụ:			
2.1	Đề chứng minh sự hiểu biết về quy trình nghiệp vụ, Nhà thầu phải nộp đầy đủ các tài liệu chứng minh cho các yêu cầu cụ thể, chi tiết như sau: a) Có đề xuất, trình bày, mô tả đầy đủ, hợp lệ, đúng đắn và logic các nội dung sau đây:	Các tài liệu nộp kèm E-HSDT theo đúng yêu cầu	Có các tài liệu (đáp ứng tất cả các nội dung, yêu cầu) và nội dung tài liệu chứng minh đáp ứng yêu cầu	Không có đầy đủ các tài liệu theo yêu cầu; hoặc có đầy đủ các tài liệu nhưng nội dung của ít nhất một (01) tài liệu chứng minh không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung, mô tả	Tài liệu, file chứng minh (*)	Tiêu chí đánh giá	
			Đạt	Không đạt
	<p>a.1. Vẽ biểu đồ trường hợp sử dụng (Use Case) cho tất cả các chức năng (tại Chương V, E-HSMT);</p> <p>a.2. Bảng mô tả chi tiết Use Case (bao gồm tên Use Case, mức độ BMT, tác nhân, mô tả Use Case, điều kiện bắt đầu, điều kiện kết thúc, trình tự các sự kiện, hoàn cảnh sử dụng thành công, hoàn cảnh sử dụng phụ và hành động liên quan khi Use Case kết thúc) cho tất cả các chức năng (tại Chương V, E-HSMT);</p> <p>a.3. Vẽ sơ đồ luồng xử lý dữ liệu cho tất cả các chức năng (tại Chương V, E-HSMT).</p> <p>b) Nhà thầu trình bày sơ đồ ERD và mô tả chi tiết cấu trúc các bảng cơ sở dữ liệu cho các chức năng nêu trên (các chức năng theo yêu cầu tại chương III, E-HSMT);</p> <p>c) Mô tả tổng quan quy trình nghiệp vụ và kết quả mong đợi cho tất cả các chức năng (tại Chương V, E-HSMT).</p>			
2.2	Biện pháp, giải pháp và phương pháp tổ chức	Tài liệu nộp kèm E-HSMT	Có tài liệu thuyết minh giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, cài đặt hàng hóa hợp lý, đáp ứng yêu	Không có tài liệu thuyết minh giải pháp kỹ thuật, biện pháp tổ chức cung cấp, cài đặt hàng hóa hoặc có tài liệu thuyết minh nhưng

STT	Nội dung, mô tả	Tài liệu, file chứng minh (*)	Tiêu chí đánh giá	
			Đạt	Không đạt
			câu của Chương V, E-HSMT	không đầy đủ, không chi tiết, không logic, không đáp ứng các yêu cầu của Chương V, E-HSMT
2.3	Bảng tiến độ cung cấp dịch vụ hợp lý, khả thi phù hợp với đề xuất kỹ thuật và đáp ứng yêu cầu của E-HSMT.	Tài liệu nộp kèm E-HSDT	Có bảng tiến độ cung cấp dịch vụ hợp lý, khả thi và phù hợp với đề xuất kỹ thuật, đáp ứng yêu cầu của E-HSMT và thời gian giao hàng đáp ứng yêu cầu của E-HSMT	Không có bảng tiến độ cung cấp dịch vụ hoặc có bảng tiến độ cung cấp dịch vụ nhưng không hợp lý, không khả thi, không phù hợp với đề xuất kỹ thuật, không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT hoặc thời gian giao hàng không đáp ứng yêu cầu của E-HSMT
2.4	Thời gian, tiến độ thực hiện và bàn giao: - Lần 1: bàn giao hệ thống phần mềm đáp ứng đầy đủ các chức năng theo yêu cầu tại Chương V (phiên bản chưa kiểm tra, thử nghiệm, vận hành thử) và cài đặt hệ thống trên máy chủ cho Chủ đầu tư trong thời gian 30 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; - Lần 2: bàn giao hệ thống phần mềm (phiên bản đã được Chủ đầu tư và nhà thầu phối hợp kiểm tra, thử nghiệm và vận hành	Bản cam kết nộp kèm E-HSDT	Nhà thầu có văn bản cam kết đáp ứng yêu cầu	Nhà thầu không có văn bản cam kết hoặc văn bản cam kết nhưng không đáp ứng yêu cầu

STT	Nội dung, mô tả	Tài liệu, file chứng minh (*)	Tiêu chí đánh giá	
			Đạt	Không đạt
	thử) và được sự chấp thuận của Chủ đầu tư trong thời gian 60 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực; - Lần 3: bàn giao toàn bộ các sản phẩm, hạng mục; nghiệm thu kỹ thuật, tập huấn đào tạo và chuyên gia hệ thống; nghiệm thu và thanh lý hợp đồng trong thời gian 90 ngày kể từ ngày hợp đồng có hiệu lực.			
<b>IV</b>	<b>BẢO HÀNH VÀ YÊU CẦU KHÁC</b>			
1.1	Cam kết thực hiện dịch vụ bảo hành	Bản cam kết nộp kèm E-HSDT	Có cam kết thực hiện dịch vụ bảo hành tối thiểu 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu phần mềm.	Không có cam kết thực hiện dịch vụ bảo hành hoặc có cam kết nhưng không đáp ứng thời gian tối thiểu 12 tháng kể từ ngày ký nghiệm thu phần mềm.
1.2	Cung cấp dịch vụ bảo hành	Tài liệu nộp kèm E-HSDT	Nhà thầu có thuyết minh đầy đủ kế hoạch bảo hành sản phẩm trong thời gian bảo hành còn hiệu lực.	Nhà thầu không có thuyết minh hoặc có nhưng không đầy đủ các nội dung: bảo hành sản phẩm trong thời gian bảo hành còn hiệu lực.

**(\*) Giải thích, yêu cầu, ghi chú:**

Tiêu chuẩn đánh giá chi tiết, cụ thể đối với các chức năng tại mục “II. YÊU CẦU CHỨC NĂNG” nêu trên, bao gồm:

**a. Tài liệu mô tả các file .html hoặc .htm phải đáp ứng:**

- Có file (PDF/DOCX) mô tả từng chức năng, có ảnh minh họa (ảnh rõ nét, chú thích).

- Mỗi chức năng có mô tả bước thực hiện và kết quả mong đợi.

**b. Các file thiết kế giao diện dạng .html hoặc .htm đáp ứng:**

- File .html hoặc .htm hoạt động (mở offline trên các trình duyệt, ...).
- Đáp ứng đầy đủ các trường thông tin cần quản lý theo yêu cầu Chương V.
- Tuân thủ và đáp ứng hoàn toàn các yêu cầu, chỉ tiêu kỹ thuật/kỹ thuật được nêu tại Chương V, E-HSMT.

**c. Video clip quay các file giao diện dạng .html (hoặc .htm):**

- Hiện thị thao tác đầy đủ các giao diện, ... tương thích với file thiết kế giao diện dạng .html hoặc .htm
- Đáp ứng đầy đủ các trường thông tin cần quản lý tại Chương V.
- Các video clip chỉ yêu cầu quay giao diện các chức năng đã được thiết kế mô phỏng dưới dạng file .html (hoặc .htm).

**d. Tính thống nhất:** Các file theo yêu cầu tại nội dung “Tài liệu mô tả các file .html hoặc .htm” dạng pdf/word, “Các file thiết kế giao diện dạng .html hoặc .htm” và “Các video clip quay các file giao diện dạng .html (hoặc .htm)” phải thống nhất về hình ảnh, giao diện đã được thiết kế.

Việc yêu cầu Nhà thầu nộp các file (tệp) mô tả, bản mô phỏng hoặc video clip minh họa thiết kế giao diện này nhằm giúp tổ chuyên gia đánh giá cụ thể, khách quan hơn về tính năng kỹ thuật, giao diện, khả năng vận hành của hàng hóa hoặc giải pháp đề xuất. Các file (tệp) này là tài liệu minh chứng kỹ thuật nhằm chứng minh sự đáp ứng của E-HSMT của Nhà thầu.

E-HSMT được đánh giá là đáp ứng yêu cầu về kỹ thuật khi có tất cả các tiêu chí đều được đánh giá là đạt.

#### **Mục 4. Tiêu chuẩn đánh giá về tài chính**

*Căn cứ tính chất, quy mô của từng gói thầu cụ thể mà lựa chọn một trong các phương pháp dưới đây cho phù hợp:*

##### **4.1. Phương pháp giá thấp nhất<sup>1</sup>:**

Cách xác định giá thấp nhất theo các bước sau đây:

Bước 1. Xác định giá dự thầu, giá dự thầu sau giảm giá (nếu có);

Bước 2. Xác định giá trị ưu đãi (nếu có) theo quy định tại Mục 28 E-CDNT;

Bước 3. Xếp hạng nhà thầu: E-HSMT có giá dự thầu sau khi trừ đi giá trị giảm giá (nếu có), cộng giá trị ưu đãi (nếu có) thấp nhất được xếp hạng thứ nhất.

#### **Mục 5. Phương án kỹ thuật thay thế trong E-HSMT (nếu có): Không**

**Mục 6. Trường hợp gói thầu chia thành nhiều phần độc lập (nếu có) :  
Không**

<sup>1</sup> Trường hợp áp dụng phương pháp này thì xóa bỏ khoản 4.2 Mục 4 Chương này. Đối với gói thầu mua sắm tập trung áp dụng lựa chọn nhà thầu theo khả năng cung cấp, áp dụng phương pháp giá thấp nhất.